SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM
Số: 169 /BVTE-KHTH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2019

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế thành phố Hải Phòng

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Số 01/2016/GPHĐ-BV do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/8/2016

Địa chỉ: Phố Việt Đức – phường Lãm Hà – quận Kiến An – TP Hải Phòng

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: PGS.TS Bùi Văn Chiến

Điện thoại liên hệ: 02253.876442

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:Danh mục kèm theo Phụ lục 1.
2. Trình độ đào tạo thực hành: Danh mục kèm theo Phụ lục 1.
3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): Danh mục kèm theo Phụ lục 1.
4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: Danh mục kèm theo Phụ lục 2.
5. Danh sách khoa/phòng thực hành và số giường bệnh hoặc số ghế răng tại mỗi khoa/phòng: Danh mục kèm theo Phụ lục 2.
6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: Danh mục kèm theo Phụ lục 3.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Bản công bố này thay thế bản công bố số 381/BVTE-KHTH ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng công bố là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu KHTH, VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM

PGS.TS. Bùi Văn Chiến

Scanned with CamScanner

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH

(Tại một thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC												
1	9720106	Tiến sĩ	Nhi khoa	Ngoại Nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh ngoại Nhi	Ngoại Tổng hợp	1	5	15	45	0	5
				Nội Nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	HSCC	1	5	8	24	0	5
						Sơ sinh	1	5	8	24	0	5
						Thận - Máu - Nội tiết	1	5	10	30	0	5
2	62721655 CK	BSCKII	Nhi khoa	Nội Nhi	Hồi sức cấp cứu Nhi	HSCC	1	5	8	24	0	5
					Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	Truyền nhiễm	1	5	20	60	0	5
						Tim mạch - LN	1	5	10	30	0	5
						Thận - Máu - Nội tiết	1	5	10	30	0	5
						Tiêu hóa	1	5	15	45	0	5
						Hô hấp	1	5	20	60	0	5
						Thần kinh - Tâm bệnh	1	5	20	60	0	5
3	607216CK	BSCKI	Nhi khoa	Nội Nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	Sơ sinh	1	5	8	24	0	5
						Tiêu hóa	1	5	15	45	0	5
						Hô hấp	1	5	20	60	0	5

Scanned with CamScanner

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
4	8720106	Thạc sĩ	Nhi khoa	Ngoại nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh ngoại Nhi	Ngoại Tổng hợp	2	10	15	45	0	10
						Ngoại Chấn thương	1	5	15	45	0	5
				Nội Nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	Tiêu hóa	1	5	15	45	0	5
						Thận - Máu - Nội tiết	1	5	10	30	0	5
						Tim mạch - LN	1	5	10	30	0	5
5	607216NT	Bác sỹ Nội trú	Nhi khoa	Ngoại nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh ngoại Nhi	Ngoại Tổng hợp	1	5	15	45	0	5
						Ngoại Chấn thương	1	5	15	45	0	5
				Nội Nhi	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	Hô hấp	1	5	20	60	0	5
						Sơ sinh	1	5	8	24	0	5
						HSCC	1	5	8	24	0	5

Scanned with CamScanner

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
II. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC									0			
6		ĐH Y khoa (chính quy, liên thông)		Nhi cơ sở; Nhi bệnh học	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh nội Nhi	Tự nguyện A	3	30	15	45	0	30
						Tự nguyện B	2	20	10	30	0	20
						Truyền nhiễm	1	10	20	60	0	10
						TM - LN	1	10	10	30	0	10
						TK-TB	2	20	20	60	0	20
						Đông y - PHCN	1	10	10	30	0	10
				Ngoại bệnh học 2	Thực hành lâm sàng khám chữa bệnh ngoại Nhi	Ngoại TH	1	10	15	45	0	10
						Ngoại CT	1	10	15	45	0	10
7		ĐH Điều dưỡng		Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng	Điều dưỡng	3	30	0	0	0	30
						Tự nguyện A	2	20	15	45	0	20
						Tự nguyện B	2	20	10	30	0	20
						Tiêu hóa	1	10	15	45	0	10
8		ĐH	Răng Hàm Mặt	Tai mũi họng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	1	10	15	45	0	10
9		ĐH	Y học cổ truyền	Tai mũi họng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	1	10	15	45	0	10
10		ĐH	Y học dự phòng	Tai mũi họng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	1	10	15	45	0	10

Scanned with CamScanner

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ Chuyên ngành	Môn học/ Học phần/ Tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/ đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số người học TH tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
11		ĐH	Dược	Thực hành dược khoa 1, 2, 3	Thực hành lâm sàng	Dược	3	30	0	0	0	30
III. ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP									0			
12	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tập chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hành lâm sàng	Truyền nhiễm	2	30	20	60	0	30
						Sơ sinh	1	15	8	24	0	15
						HSCC	1	15	8	24	0	15
						TM - LN	3	45	10	30	0	45
13	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng	Thận - Máu - Nội tiết	1	15	10	30	0	15
						TK-TB	1	15	20	60	0	15
						Đông y - PHCN	1	15	10	30	0	15

Scanned with CamScanner

PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TẠI BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Tiến sỹ	Bùi Văn Chiến	PGS.TS	Phó Giáo sư Tiến sỹ y khoa	003816/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	22n	- Ngoại Nhi	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Khoa Ngoại tổng hợp	15
2		Đinh Văn Thức	Bác sỹ	PGS.TS/ BS CKII Nhi	000279/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)		- SK sinh sản vị thành niên - HSCC nhi; HSCC sơ sinh; HSCC nâng cao - Tim mạch - Dinh dưỡng tiêu hóa - Thần kinh; Bệnh TN - Sinh lý - Sơ sinh - Nhi khoa XHH, cấp cứu	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	HSCC	8
3		Nguyễn Ngọc Sáng	Bác sỹ	PGS.TS/ BS CKII Nhi	0022764/BYT-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)		- Bệnh lý miễn dịch ở TE - Hô hấp - Thận - Tiết niệu - Bệnh nội tiết chuyển hóa - Bệnh lý huyết học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Thận - Máu - Nội tiết	10
4		Đặng Văn Chức	Bác sỹ	PGS.TS/ BS CKII Nhi	001429/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi (Các buổi sáng + Trực)		- Nhi khoa XH điều trị học - Dị tật bẩm sinh ở TE - Chu sinh học - Sàng lọc sơ sinh	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Sơ sinh	8

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
5	BSCKII	Vũ Hữu Quyền	Bác sỹ	Thạc sỹ chuyên khoa Nhi/ GCN lọc máu/ GCN hồi sức bệnh nhi sau phẫu thuật tim hở	000060/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	13n4t	- Hồi sức hô hấp TE - Hồi sức sơ sinh - Cấp cứu nâng cao - Sinh lý nâng cao - Sơ sinh - Nhi khoa XHH, cấp cứu - Sơ sinh - HSCC nâng cao - Nhi cơ sở	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Hồi sức cấp cứu	8
6		Dương Văn Đoàn	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi GCN Hồi sức sau mổ tim	001048/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	17n2t	- Sơ sinh - HSCC - Hô hấp - Tim mạch - TDCN Tim mạch - Bệnh tim mạch - cơ xương khớp - Hồi sức hô hấp - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám bệnh, triệu chứng; đưa ra chẩn đoán và PP điều trị; Điều trị bệnh; Thực hành LS	Tim mạch - Lồng ngực	10
7		Trần Thị Ngọc Hoà	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi/GCN điều trị ung thư ở trẻ em/ Chẩn đoán, điều trị bệnh nội tiết, chuyển hóa, di truyền,	000354/HP-CCHN 387/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Ung thư	17n2t	- Thận - Nội tiết - Di truyền - Máu -Thần kinh - Tâm thần - TDCN thận - tiết niệu - Bệnh Thận - Huyết học - Nội tiết - Bệnh tâm thần kinh - huyết học - ung thư - Định hướng CK Nhi, Thận - Nội tiết - Di truyền - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Thận - Máu - Nội tiết	10

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
8		Nguyễn Tuấn Tú	Bác sỹ	BS CKII Nhi	000356/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	34n10t	- Tiêu hóa - DD - Bệnh tiêu hóa - DD - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tiêu hóa	15
9		Hoàng Sơn	Bác sỹ	BS CKII Nhi	000334/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	17n2t	- Lây nhi - Bệnh lao trẻ em - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Truyền nhiễm	20
10		Hoàng Ngọc Anh	Bác sỹ	Ths.BSCKII Nhi khoa	000234/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	9n8t	- Hô hấp - Tim mạch - Bệnh lao trẻ em - Bệnh hô hấp - Nhi XH - Tuần hoàn - Hô hấp - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Hô hấp	20
11		Nguyễn Bích Vân	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi/GCN điện não đồ lâm sàng/GCN CK thần kinh	00774/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	17n2t	- Máu - Thần kinh - Tâm thần; Ung thư - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Thần kinh - Tâm bệnh	20

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
12	BSCKI	Lê Thị Minh Luyến	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	001512/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	17n2t	- Sơ sinh - HSCC - Sơ sinh - Nhi khoa XHH, cấp cứu - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Sơ sinh	8
13		Lê Quang Quỳnh	Bác sỹ	BS CKI Nhi/ GCN Nội soi tiêu hóa	002603/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	12n6t	- Tiêu hóa - DD - Bệnh tiêu hóa - DD - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tiêu hóa	15
14		Ngô Thanh Huynh	Bác sỹ	BS CKI Nhi khoa	000840/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	10n6t	- Tuần hoàn - Hô hấp - Bệnh lao trẻ em - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Hô hấp	20
15	Thạc sỹ	Trần Minh Cảnh	ThS.BSCKII	BS CKII Ngoại khoa/Nhi khoa	001802/HP-CCHN 773/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi/ KB, CB CK Ngoại	28n7t	- Ngoại Nhi	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Tổng hợp	15
16		Nguyễn Duy Tuấn	Bác sỹ	BS CKII Ngoại Nhi/GCN phẫu thuật tiêu hóa/ tiết niệu/ sọ não/nội soi	002673/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	28n7t	- Ngoại Nhi - Ngoại bênh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ		
17		Đặng Quốc Hùng	Bác sỹ	BS CKII Ngoại/ Chuyên khoa Bỏng	005055/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	17n2t	- Ngoại Nhi - Tai nạn thương tích - PHCN - Ngoại bênh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Chấn thương - bỏng	15

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
18		Vũ Thị Thuý	Bác sỹ	Thạc sỹ CK Nhi	002617/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	7n6t	- Tiêu hóa - DD - Bệnh tiêu hóa - DD - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tiêu hóa	15
19		Đỗ Thị Quỳnh Mai	Bác sỹ	Thạc sỹ chuyên khoa Nhi Chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS	000093/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	13n4t	- Thận - Nội tiết - Di truyền - Máu -Thần kinh - Tâm thần - TDCN thận - tiết niệu - Bệnh Thận - Huyết học - Nội tiết - Bệnh tâm thần kinh - huyết học - ung thư - Định hướng CK Nhi, Thận - Nội tiết - Di truyền - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Thận - Máu - Nội tiết	10
20		Trịnh Thị Thuần	Bác sỹ	Bác sỹ nội trú Nhi/ CC Điện não đồ lâm sàng/BD kiến thức thần kinh TE	001202/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	8n	- TDCN Tim mạch - Hô hấp - Tuần hoàn - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tim mạch - Lồng ngực	10

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
21	BSNT	Nguyễn Minh Hải	Bác sỹ	BS CKI Ngoại/ GCN PT tim/ tiêu hóa/ tiết niệu-sinh dục/ NS/thần kinh	008261/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	10n5t	- Ngoại Nhi - Ngoại bệnh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Tổng hợp	15
22		Nguyễn Quang Hiếu	Bác sỹ	BS CKI Ngoại	005020/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại Nhi	13n4t	- Ngoại Nhi - Tai nạn thương tích - PHCN - Ngoại bệnh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Chấn thương - bỏng	15
23		Vũ Trọng Tài	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	002112/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	8n7t	- Tuần hoàn - Hô hấp - Bệnh lao trẻ em - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Hô hấp	20
24		Bùi Mẫn Nguyên	Bác sỹ	Bác sỹ Nội trú Nhi	006725/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	6n	- Sơ sinh - HSCC - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Sơ sinh	8
25		Trần Văn Lân	Bác sỹ	Bác sỹ Thạc sỹ Nhi/GCN Hồi sức sơ sinh	006724/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	6n	- Hồi sức hô hấp TE - Hồi sức sơ sinh - Cấp cứu nâng cao - Sinh lý nâng cao - Sơ sinh - Nhi khoa XHH, cấp cứu - Sơ sinh - HSCC nâng cao - Nhi cơ sở	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	HSCC	8

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
26	ĐH Y khoa	Vũ Duy Hưng	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	001098/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	12n6t	- Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tự nguyện A	15
27		Nguyễn Thị Ánh Hường	Bác sỹ	Bác sỹ CKII Nhi	000062/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	28n5t	- Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng		
28		Nguyễn Thuý Hằng	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	008264/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	7n6t	- Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng		
29		Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi	001097/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	17n2t	- Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tự nguyện B	10
30		Nguyễn Thị Ngọc Yến	Bác sỹ	Thạc sỹ Nhi khoa	000041/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	13n4t	- Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng		
31		Bùi Cao Tiến	Bác sỹ	Bác sĩ/Định hướng CK Nhi/ chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS	008260/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	5n8t	- Lây nhi - Bệnh lao trẻ em - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Truyền nhiễm	20

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
32		Đinh Khắc Hai	Bác sỹ	Bác sỹ, định hướng CK Nhi/GCN Siêu âm tim mạch/ GCN can thiệp tim mạch	007243/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi	5n7t	- TDCN Tim mạch - Hô hấp - Tuần hoàn - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tim mạch - Lồng ngực	10
33		Cao Thị Quỳnh Diệp	Bác sỹ	Bác sỹ, CKĐH Nhi/GCN CK điều trị trẻ tự kỷ/ GCN Điện não đồ, nội nhi - tâm bệnh	006726/HP-CCHN	KB, CB CK Nhi - Tâm bệnh Nhi	6n	- Máu - Thần kinh - Tâm thần; Ung thư - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Thần kinh - Tâm bệnh	20
34		Đào Thị Hằng	Bác sỹ	Bác sỹ CKI Nhi/ CKĐH Phục hồi chức năng	002627/HP-CCHN 774/QĐ-SYT	KB, CB CK Nhi KB, CB CK Phục hồi chức năng	10n5t	- Máu - Thần kinh - Tâm thần; Ung thư - Nhi cơ sở - Nhi bệnh học	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng		
35		Vũ Văn Điều	Bác sỹ	Bác sỹ YHCT/ CKĐH phục hồi chức năng	001549/HP-CCHN	KB, CB bằng YHCT/ Chuyên khoa phục hồi chức năng		- TNTT - PHCN - Nhi bệnh học - Nhi cơ sở	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Y học cổ truyền	10
36		Nguyễn Mạnh Toàn	Bác sỹ	BS CKI Ngoại/ GCN Phẫu thuật tim/tiêu hóa/tiết niệu/nội soi	003277/HP-CCHN	KB, CB CK Ngoại	14n	- Ngoại Nhi - Ngoại bênh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Tổng hợp	15
37		Vương Hữu Trung	Bác sỹ	Bác sỹ CK RHM/ BS CKI Ngoại	000148/HP-CCHN 1270/QĐ-SYT	Phòng khám CK Răng hàm mặt/ KB, CB CK Ngoại	12n5t	- Ngoại Nhi - Tai nạn thương tích - PHCN - Ngoại bênh học 2	Thực hành LS; Thăm khám bệnh, đưa ra PP điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại Chấn thương - bỏng	15

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
38	ĐH CK RHM	Đào Mộng Long	Bác sỹ	Thạc sỹ CK TMH	000413/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	15n9t	- Tai mũi họng	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	15
39	ĐH CK Y học cổ truyền	Bùi Duy Vũ	Bác sỹ	Thạc sỹ CK TMH	000535/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	13n4t	- Tai mũi họng	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	15
40	ĐH CK Y học dự phòng	Đinh Thị Kim Tuyến	Bác sỹ	BS CKI TMH	000040/HP-CCHN	KB, CB CK Tai - Mũi - Họng	11n6t	- Tai mũi họng	Thăm khám, đưa ra chẩn đoán và phương pháp điều trị; Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	15
41	ĐH Dược	Bùi Thị Ánh Tuyết	Dược sỹ ĐH	Dược sỹ đại học	04/HP-CCHND	Đủ tiêu chuẩn quản lý chuyên môn Dược	23n2	Thực hành dược khoa 1, 2, 3	Thực hành chuyên ngành về quản lý và cấp phát thuốc	Dược	
42		Nguyễn Thị Kim Thanh	Dược sỹ ĐH	Dược sỹ chuyên khoa I	36-12/ CCHND-SYT	Đủ tiêu chuẩn quản lý chuyên môn Dược	10n5t	Thực hành dược khoa 1, 2, 3			
43		Trần Thị Thắng	Dược sỹ ĐH	Dược sỹ đại học	27-12/ CCHND-SYT	Đủ tiêu chuẩn quản lý chuyên môn Dược	19n9t	Thực hành dược khoa 1, 2, 3			

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
44	ĐH Điều dưỡng	Bùi Thị Quyên	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	005044/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	17n2t	- Điều dưỡng Nhi	Chức trách của điều dưỡng trưởng, ĐD viên; Thực hành lâm sàng	Điều dưỡng	
45		Đào Thị Minh Phương	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	000892/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	17n2t	- Điều dưỡng Nhi	Chức trách của điều dưỡng trưởng, ĐD viên; Thực hành lâm sàng		
46		Đỗ Thị Thanh Huyền	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	009417/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	14n	- Điều dưỡng Nhi	Chức trách của điều dưỡng trưởng, ĐD viên; Thực hành lâm sàng		
47		Trần Thị Uyển	ĐD viên	Điều dưỡng đại học/GCN chẩn đoán và điều trị HIV/AIDS	001096/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	21n1t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Tự nguyện A	15
48		Đỗ Thị Hương	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	005040/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	10n5t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân		
49		Nguyễn Thị Kim Dung	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	003254/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	17n2t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Tự nguyện B	10
50		Nguyễn Thị Thanh Tiền	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	005036/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	9n8t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân		
51		Nguyễn T Kim Nhung	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	002650/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	12n6t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Tiêu hóa	15

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
52	CĐ Điều dưỡng	Nguyễn Thị Hạnh	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	003763/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	13n4t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc bệnh nhân Nhi	Tim mạch - Lồng ngực	10
53		Nguyễn Thị Thơm	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	004387/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	8n7t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân		
54		Phùng Thị Minh	ĐD viên	Điều dưỡng ĐH học/ Theo dõi và chăm sóc bệnh nhi sau PT	005082/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	6n	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân		
55		Nguyễn Thị Hà Thuỷ	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	005513/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	14n	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng; Thực hành chăm sóc bệnh nhân Nhi	Truyền nhiễm	20
56		Trương Thị Thảo	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	002666/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	13n4t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân		
57		Nguyễn Thị Bích Thuỷ	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	001879/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	13n4t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	HSCC	8
58		Nguyễn Thị Hạnh	ĐD viên	Điều dưỡng ĐH	001317/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	21n1t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Sơ sinh	8

Scanned with CamScanner

TT	Đào tạo trình độ	Họ tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH
59	TC Y sĩ	Nguyễn Thị Hương Liễu	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	002651/HP-CCHN	TT số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	13n4t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Thận - Máu - Nội tiết	10
60		Phạm Thị Thu Hà	ĐD viên	Điều dưỡng đại học	005030/HP-CCHN	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	14n	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Thần kinh - Tâm bệnh	20
61		Nguyễn Thị Thuỳ Dương	ĐD viên	Điều dưỡng/ GCN học kỹ thuật châm cứu, điện châm, xoa bóp, bấm huyệt	005046/HP-CCHN 1343/QĐ-SYT	QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005/ thực hiện kỹ thuật châm cứu, điện châm, xoa bóp, bấm huyệt theo chỉ định của bác sỹ YHCT	13n4t	- Điều dưỡng Nhi	Thực hành lâm sàng chăm sóc bệnh nhân	Y học cổ truyền	10

Scanned with CamScanner